

Số: 1608/QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán NSDP năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Tiếp theo Báo cáo số 850/BC-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 88/TTr-TCKH ngày 05/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023 (chi tiết như các biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Xuân Cảnh

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

A. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán giao thu ngân sách địa phương 948 tỷ 814 triệu đồng, ước thực hiện đạt 1.095 tỷ 883 triệu đồng, đạt 115,5% dự toán, tăng 26% so với thực hiện năm 2022. Cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán giao 54 tỷ đồng, ước thực hiện 60 tỷ đồng, đạt 111,1% dự toán, tăng 6,8% so với thực hiện năm 2022. Trong đó thu ngân sách huyện hưởng, ước thực hiện 56 tỷ 300 triệu đồng, đạt 111,3% dự toán, tăng 10,2% so với thực hiện năm 2022.

Chi tiết ước thực hiện các khoản thu như sau:

1. *Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh*: Dự toán giao 1 tỷ đồng, ước thực hiện 1 tỷ 490 triệu đồng, đạt 149% dự toán, giảm 7,4% so với thực hiện năm 2022.

2. *Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh*: Dự toán giao 21 tỷ 300 triệu đồng, ước thực hiện 19 tỷ 253 triệu đồng, đạt 90,4% dự toán, giảm 18,1% so với thực hiện năm 2022.

3. *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước*: Dự toán giao 2 tỷ 700 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 12 triệu đồng, đạt 111,6% dự toán, tăng 6,1% so với thực hiện năm 2022.

4. *Lệ phí trước bạ*: Dự toán giao 5 tỷ 200 triệu đồng, ước thực hiện 7 tỷ 180 triệu đồng, đạt 138,1% dự toán, giảm 10,8% so với thực hiện năm 2022.

5. *Thuế thu nhập cá nhân*: Dự toán giao 2 tỷ 220 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 220 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 12,9% so với thực hiện năm 2022.

6. *Phí và lệ phí*: Dự toán giao 1 tỷ 300 triệu đồng, ước thực hiện 1 tỷ 420 triệu đồng, đạt 109,2% dự toán, giảm 8,8% so với thực hiện năm 2022.

7. *Thu tiền sử dụng đất*: Dự toán giao 15 tỷ đồng, ước thực hiện 17 tỷ 500 triệu đồng, đạt 116,7% dự toán, tăng 130,7% so với thực hiện năm 2022.

8. *Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước*: Dự toán giao 3 tỷ đồng, ước thực hiện 3 tỷ 845 triệu đồng đạt 128,2% dự toán, tăng 3,1% so với thực hiện năm 2022.

9. *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: Dự toán giao 80 triệu đồng, ước thực hiện 280 triệu đồng, đạt 350% dự toán, tăng 27,6% so với thực hiện năm 2022.

10. *Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản*: Dự toán giao 100 triệu đồng, ước thực hiện 100 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 22,7% so với thực hiện năm 2022.

11. *Thu khác ngân sách*: Dự toán giao 2 tỷ 100 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 700 triệu đồng, đạt 176,2% dự toán, giảm 26,2% so với thực hiện năm 2022.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Dự toán giao 898 tỷ 214 triệu đồng, ước thực hiện 947 tỷ 181 triệu đồng, đạt 105,5% dự toán, tăng 21,7% so với thực hiện năm 2022. Bao gồm:

1. Thu bổ sung cân đối

Dự toán giao 684 tỷ 106 triệu đồng, ước thực hiện 684 tỷ 106 triệu đồng, đạt 100% dự toán, tăng 2,9% so với thực hiện năm 2022.

2. Thu bổ sung có mục tiêu

Dự toán giao 214 tỷ 108 triệu đồng, ước thực hiện 263 tỷ 075 triệu đồng, đạt 122,9% dự toán, tăng 131,7% so với thực hiện năm 2022 (do năm 2023 được giao bổ sung các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác).

III. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên

Ước thực hiện 395 triệu đồng, giảm 38,1% so với năm 2022.

IV. Thu chuyển nguồn

Thu chuyển nguồn 92 tỷ 007 triệu đồng, tăng 129,7% so với năm 2022.

B. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Dự toán chi ngân sách địa phương 948 tỷ 814 triệu đồng, ước thực hiện đạt 1.095 tỷ 883 triệu đồng, đạt 115,5% dự toán, tăng 26% so với thực hiện năm 2022. Chi tiết ước thực hiện các khoản chi như sau:

I. Chi cân đối ngân sách

Dự toán giao 734 tỷ 706 triệu đồng, ước thực hiện 812 tỷ 899 triệu đồng, đạt 110,6% dự toán, tăng 9% so với thực hiện năm 2022. Bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 53 tỷ 775 triệu đồng, đạt 145,9% dự toán, tăng 41,1% so với thực hiện năm 2022 (đã bao gồm giải ngân tạm ứng năm 2022 chuyển sang). Trong đó:

+ Chi đầu tư từ XDCB vốn trong nước: Ước thực hiện 32 tỷ 107 triệu đồng, đạt 137,4% dự toán, tăng 7,8% so với thực hiện năm 2022.

+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 18 tỷ đồng, đạt 133,3% dự toán, tăng 169,6% so với thực hiện năm 2022.

+ Chi đầu tư từ nguồn tăng thu thực hiện năm 2022: Ước thực hiện 2 tỷ 256 triệu đồng.

+ Chi đầu tư từ thu tiền cho thuê đất (ghi thu, ghi chi): Ước thực hiện 1 tỷ 182 triệu đồng.

+ Chi đầu tư từ hoạt động xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 230 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên: Ước thực hiện 759 tỷ 124 triệu đồng, đạt 111,1% dự toán, tăng 7,3% so với thực hiện năm 2022. Tăng so với dự toán giao đầu năm là do trong

năm ngân sách tỉnh bổ sung cho huyện để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: chính sách tinh giản biên chế; kinh phí thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; kinh phí mua sắm thiết bị dạy và học và các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời tăng chi từ nguồn chi khác, dự phòng ngân sách huyện; ... và tăng chi chuyển nguồn từ năm trước sang.

Trong đó:

2.1. *Chi quốc phòng*: Dự toán giao 9 tỷ 082 triệu đồng, ước thực hiện 10 tỷ 766 triệu đồng, đạt 118,5% dự toán, tăng 29% so với thực hiện năm 2022.

2.2. *Chi an ninh*: Dự toán giao 3 tỷ 299 triệu đồng, ước thực hiện 4 tỷ 730 triệu đồng, đạt 143,4% dự toán, giảm 11,8% so với thực hiện năm 2022.

2.3. *Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề*: Dự toán giao 425 tỷ 458 triệu đồng, ước thực hiện 462 tỷ 372 triệu đồng, đạt 108,7% dự toán, tăng 4,3% so với thực hiện năm 2022.

2.4. *Chi sự nghiệp khoa học công nghệ*: Dự toán giao 600 triệu đồng, ước thực hiện 400 triệu đồng, đạt 66,7% dự toán, giảm 52% so với thực hiện năm 2022.

2.5. *Chi sự nghiệp y tế*: Dự toán giao 200 triệu đồng, ước thực hiện 200 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 94,6% so với thực hiện năm 2022.

2.6. *Chi sự nghiệp Văn hoá - Thông tin*: Dự toán giao 3 tỷ 686 triệu đồng, ước thực hiện 3 tỷ 686 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 5,1% so với thực hiện năm 2022.

2.7. *Chi sự nghiệp Truyền thanh - truyền hình*: Dự toán giao 2 tỷ 889 triệu đồng, ước thực hiện 2 tỷ 889 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 42,9% so với thực hiện năm 2022.

2.8. *Chi sự nghiệp thể thao*: Dự toán giao 616 triệu đồng, ước thực hiện 616 triệu đồng, đạt 100% dự toán, giảm 32,6% so với thực hiện năm 2022.

2.9. *Chi sự nghiệp môi trường*: Dự toán giao 4 tỷ 232 triệu đồng, ước thực hiện 4 tỷ 621 triệu đồng, đạt 109,2% dự toán, tăng 34,9% so với thực hiện năm 2022.

2.10. *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 56 tỷ 948 triệu đồng, ước thực hiện 88 tỷ 909 triệu đồng, đạt 156,1% dự toán (trong năm tỉnh bổ sung và chuyển nguồn năm 2022 sang), tăng 24,6% so với thực hiện năm 2022.

2.11. *Chi quản lý Hành chính, Đảng, Đoàn thể*: Dự toán giao 110 tỷ 925 triệu đồng, ước thực hiện 120 tỷ 875 triệu đồng, đạt 109% dự toán, tăng 7,3% so với thực hiện năm 2022.

2.12. *Chi bảo đảm xã hội*: Dự toán giao 47 tỷ 164 triệu đồng, ước thực hiện 59 tỷ đồng, đạt 125,1% dự toán, tăng 21,8% so với thực hiện năm 2022.

2.13. *Chi khác*: Dự toán giao 18 tỷ 45 triệu đồng, ước thực hiện 60 triệu đồng, đạt 0,3% dự toán (*Hỗ trợ Liên đoàn lao động huyện tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2023-2028*).

*** Tình hình phân bổ chi khác**

- Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 205 tỷ 282 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư: 105 tỷ 302 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 99 tỷ 980 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: 48 tỷ 946 triệu đồng

+ Vốn đầu tư: 3 tỷ đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 45 tỷ 946 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới: 15 tỷ 606 triệu đồng

+ Vốn đầu tư: 13 tỷ 796 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 1 tỷ 810 triệu đồng.

III. Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1 tỷ 834 triệu đồng

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 1 tỷ 650 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: 184 triệu đồng.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1608 /QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	56.200	54.000	60.000	111%	107%
*	Thu nội địa	56.200	54.000	60.000	111%	107%
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	869.883	948.814	1.095.883	116%	126%
I	Thu ngân sách huyện hưởng	51.093	50.600	56.300	111%	110%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	778.090	898.214	947.181	105%	122%
III	Thu cấp dưới nộp lên	639		395		62%
IV	Thu chuyển nguồn	40.062		92.007		230%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	869.883	948.814	1.095.883	116%	126%
I	Chi cân đối ngân sách	745.558	734.706	812.899	111%	109%
	- Chi đầu tư phát triển	38.101	36.868	53.775	146%	141%
	- Chi thường xuyên	707.457	683.144	759.124	111%	107%
	- Dự phòng ngân sách		14.694			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	31.533	214.108	193.768	91%	614%
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	785		1.042		133%
IV	Chi chuyển nguồn	92.007		88.174		96%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1608 /QĐ-UBND ngày 05/ 12 /2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	56.200	54.000	60.000	111%	107%
I	Thu nội địa	56.200	54.000	60.000	111%	107%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	1.609	1.000	1.490	149%	93%
2	Thuế ngoài quốc doanh	23.505	21.300	19.253	90%	82%
3	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.840	2.700	3.012	112%	106%
4	Lệ phí trước bạ	8.046	5.200	7.180	138%	89%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.967	2.220	2.220	100%	113%
6	Thu phí, lệ phí	1.558	1.300	1.420	109%	91%
7	Các khoản thu về nhà, đất	11.533	18.080	21.625	120%	188%
	- Thu tiền sử dụng đất	7.584	15.000	17.500	117%	231%
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.729	3.000	3.845	128%	103%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	219	80	280	350%	128%
8	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	129	100	100	100%	77%
9	Thu khác ngân sách	5.013	2.100	3.700	176%	74%
	- Thu ngân sách TW, tỉnh hưởng	3.411	1.480	1.710	116%	50%
	- Thu ngân sách huyện hưởng	1.602	620	1.990	321%	124%
II	Thu viện trợ					
B	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	51.093	50.600	56.300	111%	110%
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	51.093	50.600	56.300	111%	110%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1608 /QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	869.883	948.814	1.095.883	115,5%	126,0%
A	Chi cân đối ngân sách	745.558	734.706	812.899	110,6%	109,0%
I	Chi đầu tư phát triển	38.101	36.868	53.775	145,9%	141,1%
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.101	36.868	53.775	145,9%	141,1%
II	Chi thường xuyên	707.457	683.144	759.124	111,1%	107,3%
1	Chi quốc phòng	8.344	9.082	10.766	118,5%	129,0%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	5.363	3.299	4.730	143,4%	88,2%
3	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	443.368	425.458	462.372	108,7%	104,3%
4	Chi SN khoa học và công nghệ	834	600	400	66,7%	48,0%
5	Chi SN Y tế, dân số và gia đình	3.694	200	200	100,0%	5,4%
6	Chi SN văn hóa thông tin	3.884	3.686	3.686	100,0%	94,9%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	5.060	2.889	2.889	100,0%	57,1%
8	Chi SN thể dục thể thao	914	616	616	100,0%	67,4%
9	Chi SN môi trường	3.424	4.232	4.621	109,2%	135,0%
10	Chi SN kinh tế	71.334	56.948	88.909	156,1%	124,6%
11	Chi QLHC, đảng, đoàn thể	112.695	110.925	120.875	109,0%	107,3%
12	Chi đảm bảo xã hội	48.453	47.164	59.000	125,1%	121,8%
13	Chi khác ngân sách	90	18.045	60	0,3%	66,7%
III	Dự phòng ngân sách		14.694			
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	31.533	214.108	193.768	90,5%	614,5%
I	Chi thực hiện các CTMTQG	28.222	210.875	190.468	90,3%	674,9%
I.1	Giai đoạn 2016-2020	1.096	0	140		12,8%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	384	0	140		36,5%
	- Vốn đầu tư	384		140		36,5%
	- Vốn sự nghiệp					
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	712	0	0		
	- Vốn đầu tư	712				
	- Vốn sự nghiệp					
I.2	Giai đoạn 2021-2025	27.126	210.875	190.328	90,3%	701,6%
1	CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.642	161.997	152.678	94,2%	3289,1%
	- Vốn đầu tư	1.136	83.500	97.000	116,2%	8538,7%
	- Vốn sự nghiệp	3.506	78.497	55.678	70,9%	1588,1%
2	CTMTQG giảm nghèo bền vững	3.876	48.468	28.642	59,1%	739,0%

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	- Vốn đầu tư					
	- Vốn sự nghiệp	3.876	48.468	28.642	59,1%	739,0%
3	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	18.608	410	9.008	2197,1%	48,4%
	- Vốn đầu tư	18.285		8.266		45,2%
	- Vốn sự nghiệp	323	410	742	181,0%	229,7%
II	Chi thực hiện một số MT, NV khác	3.311	3.233	3.300	102,1%	99,7%
	- Vốn đầu tư	103				0,0%
	- Vốn sự nghiệp	3.208	3.233	3.300	102,1%	102,9%
C	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	785		1.042		132,7%
D	Chi chuyển nguồn	92.007		88.174		95,8%